

**TRUONG DANG QUE AND HIS  
CONTRIBUTIONS UNDER THE REIGN  
OF KING MINH MENCH (1820 – 1841)**

Tran Thi Thai Ha

*The Faculty of Social Sciences Education,  
Saigon University, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Corresponding author: Tran Thi Thai Ha  
e-mail: tttha@sgu.edu.vn

Received December 10, 2023.

Revised January 11, 2024.

Accepted February 11, 2024.

**TRƯƠNG ĐĂNG QUẾ VÀ NHỮNG  
CÔNG HIẾN CỦA ÔNG DƯỚI TRIỀU  
VUA MINH MỆNH (1820 – 1841)**

Trần Thị Thái Hà

*Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội, Trường Đại học  
Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Trần Thị Thái Hà  
e-mail: tttha@sgu.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/12/2023.

Ngày sửa bài: 11/1/2024.

Ngày nhận đăng: 11/2/2024.

**Abstract.** Truong Dang Que, a high official of the Nguyen dynasty in the 19th century, is known for his contributions to various fields. Specifically, under the reign of King Minh Menh (1820-1841), with the king's policy that advocates flexibility in human management and talent-oriented, Truong Dang Que, who was in his prime, had favorable conditions to demonstrate his qualities and abilities, thus having many important contributions to the dynasty and the country. Using historical methods and based on official historical documents, the article focuses on analyzing and clarifying Truong Dang Que's activities during the reign of King Minh Menh. Besides, it also shows the point of view and human management of King Minh Menh as well as the work that the king must continue to complete the administrative reform. Truong Dang Que was one of the trusted courtiers who effectively supported King Minh Menh to continue his ideas on reform implementation to strengthen the management effectiveness of the centralized state.

**Keywords:** Truong Dang Que, Nguyen dynasty, Minh Menh, 19th century, inspect, Nam Ki, Thanh Hoa.

**Tóm tắt.** Là một đại thần của vương triều Nguyễn, Trương Đăng Quế đã có những công hiến trên nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, dưới triều vua Minh Mệnh (1820-1841), với chính sách dùng người linh hoạt, trọng thực tài của nhà vua, Trương Đăng Quế đang ở độ tuổi sung sức nhất đã có những điều kiện thuận lợi để thể hiện phẩm chất, năng lực của mình; có nhiều công hiến quan trọng cho vương triều, cho đất nước. Bằng các phương pháp của khoa học lịch sử, dựa vào tài liệu chính sử, bài viết tập trung phân tích, làm rõ những hoạt động của Trương Đăng Quế trong thời kỳ trị vì của vua Minh Mệnh. Đồng thời, qua đó còn cho thấy quan điểm và cách dùng người của vua Minh Mệnh; nguyên nhân, bối cảnh lịch sử của cải cách hành chính cũng như những công việc mà nhà vua vẫn phải tiếp tục tiến hành để hoàn thiện công cuộc cải cách. Trương Đăng Quế chính là một trong những cận thần thân tín hỗ trợ đắc lực cho Minh Mệnh trong các hoạt động nhằm tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước trung ương tập quyền.

**Từ khóa:** Trương Đăng Quế, Minh Mệnh, triều Nguyễn, thế kỷ XIX, kinh lược, Nam Kỳ, Thanh Hoa.

## 1. Mở đầu

Là một đại thần phụng sự 3 đời vua triều Nguyễn, Trương Đăng Quế trên các cương vị khác nhau đã thực thi và hoàn thành nhiều nhiệm vụ quan trọng, góp phần vào thành tựu chung của vương triều Nguyễn, của lịch sử dân tộc thế kỷ XIX.

Cuộc đời, sự nghiệp và tác phẩm thơ văn của Trương Đăng Quế được tập trung thảo luận qua các bài viết như *Trương Đăng Quế với chữ hoà* của Nguyễn Quang Trung Tiến [1], *Trương Đăng Quế và giai đoạn lịch sử giữa thế kỉ XIX* của Đoàn Ngọc Khôi [2], *Trương Đăng Quế, một chân dung kiệt xuất của núi Ấn sông Trà* của Quốc Thái [3]... Những bài viết này nằm trong Các tham luận tại *Hội thảo khoa học về Trương Đăng Quế lần thứ nhất*, do Sở Văn hoá thông tin và Thể thao Quảng Ngãi in năm 1994 [4]. Bài viết *Trương Đăng Quế và cuộc kinh lí vùng đất Nam Bộ* của Vũ Văn Quân trên *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* [5] đề cập tới một trong những đóng góp lớn của Trương Đăng Quế cho công tác quản lí của nhà nước thời Nguyễn. *Từ Lê Chất và Trương Đăng Quế đôi điều suy ngẫm về thuật sử dụng người tài của nhà Nguyễn* là tham luận của Nguyễn Công Triều trong *Kỷ yếu hội thảo Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX* do NXB Thế giới phát hành [6]. Công trình *Trương Đăng Quế, con người và sự nghiệp* của nhóm tác giả Nguyễn Văn Chùng, Dương Minh Chính, Lê Văn Công, Lê Sơn, Nguyễn Văn Thanh [7] lần đầu tiên đã giới thiệu tương đối đầy đủ về Trương Đăng Quế từ gia đình, họ tộc, cuộc đời của ông. Cùng hướng nghiên cứu này còn có tác giả Trương Quang Cẩm – hậu duệ đời thứ năm của Trương Đăng Quế với tác phẩm *Thái sư, Tuy Thanh quận công Trương Đăng Quế (1793-1865): đời người – đời thơ* [8]. Ngoài ra, có thể gạn lọc những bài viết, thông tin về Trương Đăng Quế và triều đại mà ông phụng sự qua các công trình như *Non nước xứ Quảng* của Phạm Trung Việt, Huỳnh Minh [9]; Đỗ Đức Hiếu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (Chủ biên), *Từ điển văn học* [10]; Bùi Gia Khánh, *Chế độ duyệt tuyển thời Gia Long (1802-1820) và Minh Mạng (1820-1841)* [11], Vũ Thị Nga “Chế độ đãi ngộ đối với võ quan trong quân đội triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884” trên *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội* [12]... Gần đây nhất, vào tháng 12 năm 2023, trong Hội thảo khoa học do Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Họ Trương Thanh Hoá tổ chức với tựa đề *Họ Trương trong lịch sử Nam Bộ thế kỉ XVIII-XIX* [13] có tới 9/39 tham luận về Trương Đăng Quế. Trong đó 4 bài tập trung khắc hoạ dấu ấn nổi bật của ông trong công cuộc đặc điền, lập địa bạ của các tác giả Nguyễn Thị Thu Thủy, Trần Thị Thái Hà, Lê Hồng Khánh, Lê Thị Huyền. Riêng có một số học giả đi vào những vấn đề khác như Phan Ngọc Huyền với *Liên chính trong đạo làm quan của Thái sư Trương Đăng Quế* [14], Trương Quang Hoành với *Giới thiệu một số sắc, chiếu của Thái sư Trương Đăng Quế* [15], Nguyễn Hữu Tâm với *Trương Đăng Quế - Tổng tài bộ Đại Nam thực lục tiền biên và đệ nhất kỉ, đệ nhị kỉ, đệ tam kỉ chính biên* [16], Phan Văn Trình với *Trương Đăng Quế - sức lan toả từ đức khiêm cung* [17]...

Những nghiên cứu trên phần lớn đều dựa vào tư liệu chính sử, tư liệu Hán Nôm và các tác phẩm thơ văn Trương Đăng Quế để lại đã phác hoạ chân dung của một vị đại quan vừa đức độ, liêm chính, phụng sự ba triều vua Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức. Mặt khác, từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau, những nghiên cứu kể trên đã phân tích, làm rõ những đóng góp to lớn của Trương Đăng Quế với lịch sử, văn hoá dân tộc và đặc biệt là với vùng đất Nam Bộ trong thế kỉ XIX. Mặc dù vậy, việc nhìn nhận, phân tích và đánh giá về Trương Đăng Quế và những công hiến của ông từ góc độ sử học, đặt trong bối cảnh lịch sử nửa đầu thế kỉ XIX, cụ thể là trong 20 năm dưới triều vua Minh Mệnh thì còn là khoảng trống mà chúng tôi mong muốn được bổ sung, làm rõ qua nghiên cứu dưới đây. Bài viết hướng đến việc minh định những đóng góp của Trương Đăng Quế dưới thời Minh Mệnh trên nhiều lĩnh vực nhưng trọng tâm vẫn là đóng góp trên lĩnh vực chính trị, hoàn thiện bộ máy nhà nước và quản lí địa phương, qua đó góp phần ổn định chính trị và tình hình xã hội dưới thời Minh Mệnh. Để hoàn thành nghiên cứu này, tác giả đã sử dụng các phương pháp cơ bản của khoa học lịch sử, là phương pháp lịch sử và phương pháp logic, kết hợp với thống kê, phân tích sử liệu để từ đó nhìn nhận rõ toàn bộ cuộc đời làm quan của Trương Đăng Quế rồi chọn lọc điểm quan trọng để làm rõ vai trò của ông, nhất là dưới thời Minh Mệnh. Nghiên cứu này cũng cố gắng khai thác và sử dụng triệt để nguồn tư liệu chính sử, kết hợp với những tư liệu mới từ dòng họ Trương từ đó chỉ ra những điểm mới mà các nghiên cứu trước đây chưa đề cập. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung nhận thức về sự nghiệp, công hiến của Trương Đăng Quế trên những cương khác nhau trong bộ máy nhà nước dưới triều vua Minh Mệnh; công sức và

thành quả của ông trong hai chuyến kinh lược ở hai vùng đất có ý nghĩa quan trọng với dòng họ và vương triều Nguyễn là Nam Bộ và Thanh Hoá. Một cách gián tiếp, kết quả nghiên cứu còn cho thấy những nỗ lực nhằm xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước trung ương tập quyền cũng như quá trình tập trung quyền lực của Nhà nước dưới triều Minh Mệnh; nguyên nhân, điều kiện và hoàn cảnh lịch sử diễn ra công cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mệnh. Ở mức độ nhất định, những vấn đề mà triều Nguyễn khi đó phải đối mặt, đưa ra biện pháp giải quyết kịp thời với sự trợ giúp của những cận thần mẫn cán, trung thành, trách nhiệm như Trương Đăng Quế cũng được phân tích, tái hiện qua hành trạng của ông.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Khái quát về tiểu sử và sự nghiệp của Trương Đăng Quế**

Trương Đăng Quế tự là Diên Phương, hiệu là Đoan Trai, biệt hiệu là Quảng Khê, sinh năm 1793 tại làng Mỹ Khê, huyện Bình Sơn (nay là xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh), tỉnh Quảng Ngãi trong một gia đình vốn nhiều đời là vọng tộc ở đất Quảng Ngãi. Cha của ông là Trương Đăng Phác đã từng làm quan tới chức Tri phủ thời Tây Sơn. Năm 1819, Trương Đăng Quế dự kì thi Hương và đỗ Hương cống [18; 407]. Ngay năm sau, ông được triệu về Kinh làm Hành tẩu ở sáu Bộ để học tập chính sự, được cấp lương tháng tiền 2 quan, gạo 2 phượng [19; 61]. Cũng trong năm này, ông là một trong số 3 người có “học hạnh thuần cần” được lựa chọn, tiến cử vào cung để dạy học cho các hoàng tử với quan chức là Biên tu sung Trực học. Lúc này Trương Đăng Quế 27 tuổi. Bắt đầu từ đây, Trương Đăng Quế được vua Minh Mệnh chú ý, lần lượt được bổ nhiệm các chức quan trọng trong triều đình, từ một vị trí nhân sự nhỏ dần trở thành một đại thần trong triều Nguyễn. Năm 1823, ông được sung chức Ban độc; năm 1826 thăng Hàn lâm viện thị độc sung Tán Thiện đường phụ trách việc dạy dỗ các hoàng tử. Theo sử triều Nguyễn, vua Thiệu Trị, các hoàng tử Phụng Xuân, Kinh Thuận, Vĩnh Tường, Phú Bình khi nhỏ đều được sự bảo ban, rèn giũa của Trương Đăng Quế [20; 448]. Năm 1828, ông được đổi sang bộ Lại sung chức Hành tẩu Văn thư phòng rồi quản lí Văn thư phòng, Thượng bảo thiếu khanh. Năm 1830, ông giữ chức Tả thị lang Bộ Công. Tháng 10 năm 1831 ông giữ quyền Tả tham tri Bộ Hộ; năm 1832, ông lĩnh chức Thượng thư Bộ Binh. Năm 1833, giữ ấn triện Đô sát viện rồi Toán tu trong ban soạn quốc sử. Năm 1835, ông được sung Cơ mật viện đại thần gia hàm Thái tử thiếu bảo, chủ khảo kì thi Hội. Năm 1836, Trương Đăng Quế được cử làm Kinh lược đại sứ đi kinh lược Nam Kỳ. Công việc đạt kết quả tốt, ông được thăng Hiệp biện Đại học sĩ lãnh Thượng thư Bộ Binh. Tháng 12 năm 1836, ông được cử làm Kinh lược quân binh Thanh Hoá; năm 1837, được cử quản lí Khâm thiên giám. Năm 1838, chủ khoa thi Hội rồi Độc quyền thi Đình, Hiệp lí điều khiển thủy quân. Năm 1839 tấn phong Tuy Thạnh nam. Năm 1841, ông là Phụ chính đại thần, Quế Thự Văn Minh điện Đại học sĩ, gia hàm Thái bảo, quản lí Bộ Binh, kiêm Cơ mật viện, sau lại kiêm sung chức Tổng tài ở Quốc sử quán. Năm 1846 ông được vua tấn phong tước bá, đặc ân cho tẩm bài bằng ngọc có chữ “Cố mệnh lương thần”. Năm 1848, ông là Cần Chính điện Đại học sĩ, tấn phong tước Quận công; năm 1849 sung làm Kinh diên giảng quan. Từ sau năm 1850, ông quản lí Bộ Binh, giữ vị trí Tam công để bàn đạo việc nước. Năm 1863, ông được trí sĩ và mất hai năm sau đó.

Không chỉ là một danh thần dưới triều Nguyễn, Trương Đăng Quế còn là nhà thơ, nhà văn, nhà sử học. Tên tuổi của ông gắn với nhiều tác phẩm Hán nôm có giá trị như: *Đại Nam thực lục tiền biên*, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, *Giáp Thìn khoa điện thí văn*, *Hoàng Việt hội điển toát yếu*, *Diệu Liên tập*, *Nhật Bản kiến văn lục*, *Quảng Khê văn tập*, *Trương Quảng Khê thi văn*, *Trương Quảng Khê tiên sinh tập*. Một số thơ của ông được trích in trong các sách như *Thanh Hoá kỉ thắng*, *Thi tấu hợp biên*, *Từ uyển xuân hoa*. Văn Trương Đăng Quế cũng rất được người đương thời hâm mộ, được trích in trong các sách như *Bách quan tạ biểu*, *Biểu tấu tập*, *Binh chế biểu số*, *Nam giao nhạc chương*, *Nguyễn triều tấu biểu*, *Quốc triều danh biểu*, *Quốc triều hàn uyển*...[21] Trên lĩnh vực sử học, với vai trò Tổng tài Quốc sử quán, Trương Đăng Quế đã góp phần không nhỏ vào việc biên soạn một số công trình của Quốc sử quán triều Nguyễn như bộ *Đại*

*Nam liệt truyện tiền biên, Đại Nam thực lục tiền biên, Đại Nam thực lục chính biên (Đệ nhất kỉ, Đệ nhị kỉ, Đệ tam kỉ)* và một phần của *Đại Nam thực lục chính biên, Đệ tứ kỉ* [13; 110].

Trên đây là những tóm lược về sự nghiệp và những đóng góp của Trương Đăng Quế trên các lĩnh vực chính trị, văn hoá nói chung. Đặc biệt, khi mới bắt đầu bước chân vào quan trường, Trương Đăng Quế đã có may mắn được vua Minh Mệnh nhìn nhận ra năng lực và thử thách ông ở nhiều vị trí công việc khác nhau. Đây cũng là quãng thời gian Trương Đăng Quế từng bước trưởng thành, vững vàng trong công việc; tận tâm công hiến và có nhiều đóng góp quan trọng cho triều đình, cho đất nước.

## 2.2. Những đóng góp của Trương Đăng Quế dưới triều vua Minh Mệnh (1820-1841)

### 2.2.1. Đảm nhận trọng trách trong các cơ quan của triều đình

Theo ghi chép của *Đại Nam thực lục*, Trương Đăng Quế từng giữ những chức vụ sau dưới đời vua Minh Mệnh:

**Bảng 1. Tóm tắt niên biểu của Trương Đăng Quế từ năm 1820 đến 1841**

Thời gian	Chức tước, nhiệm vụ của Trương Đăng Quế
1820	– Biên tu Hàn lâm viện – Hoàng tử trực học – Thượng bảo thiếu khanh
1823	– Biên tu sung trực học, Bạ độc
1826	– Lấy Chủ sự Hộ Bộ sung Bạ độc là Trương Đăng Quế làm Thự Hàn lâm viện thị độc sung chức Tán Thiện phụ trách dạy dỗ hoàng tử
1827	– Hàn lâm viện Thị độc, văn sung chức Tán thiện Tập thiện đường – Đồng khảo khảo hạch các Giám sinh
1828	– Hàn lâm viện Thị độc sung Tán thiện Tập thiện đường, sung chức hành tâu Văn thư phòng – Quản lí Văn thư phòng – Thượng bảo Thiếu khanh
1830	– Tả thị lang Bộ Công, Thị lang Nội các – Tả thị lang Bộ Lễ, Chủ khảo kì thi hạch giáo chức các tỉnh
1831	– Hữu thị lang Bộ Lễ sung làm công việc nội các, quyền coi công việc Bộ Công – Độc quyền thi Đình
1832	– Thự Tả tham tri Bộ Hộ quyền coi việc công ở Vũ khố – Phó chủ khảo giám sinh thi Hội – Quyền giữ ấn triện Bộ Hộ – Tả tham tri Bộ Hộ – Độc quyền thi Đình – Thượng thư Bộ Binh lĩnh ấn triện viện Đô sát – Thượng thư Bộ Binh kiêm trông coi Tào chính, Thái thường tự;
1833	– Tả tham tri Bộ Hộ, giữ ấn triện Đô sát viện – Toàn tu ban biên soạn quốc sử – Thượng thư Bộ Binh
1835	– Cơ mật viện đại thần, gia hàm Thái tử Thiếu bảo
1836	– Cơ mật viện đại thần, Thượng thư Bộ Binh, Kinh lược sứ Nam Kỳ – Kiêm lãnh công việc Bộ Công

<b>Thời gian</b>	<b>Chức tước, nhiệm vụ của Trương Đăng Quế</b>
	– Kiêm lãnh công việc Bộ Lễ
1837	– Kinh lược Thanh Hoá – Kiêm quản Khâm Thiên giám
1838	– Kiêm coi Quốc tử giám, Chủ khoa thi Hội – Độc quyền thi Đình – Hiệp lí điều khiển thủy quân
1839	– Tấn phong Tuy Thành nam, giữ ấn triện Bộ Lễ
1840	– Nhận di chiếu của vua Minh Mệnh tôn vua Thiệu Trị

[Nguồn: 19, 22, 26]

Bảng trên cho thấy, trong khoảng thời gian 20 năm, Trương Đăng Quế đã lần lượt trải qua các vị trí tại các cơ quan của triều đình như Hàn lâm viện, Bộ Công, Bộ Lễ, Bộ Hộ, Bộ Binh, Viện cơ mật, Quốc sử viện; được nhà vua tin tưởng giao cho giữ ấn tín của Viện Đô sát, Bộ Lễ... Từ góc độ học thuật, ông nhiều lần được giao việc dạy dỗ hoàng tử, chủ khảo trường thi, chủ khảo hoặc phó chủ khảo sát hạch giám sinh trước kì thi Hội, độc quyền các khoa thi Đình; sát hạch chức các tỉnh nhằm tuyển chọn nhân tài, Toán tu ban biên soạn quốc sử.

Tư liệu chính sử cho rất ít thông tin về những lần Trương Đăng Quế được bổ nhiệm vào các vị trí chủ chốt trong triều đình. Dưới đây là một số tư liệu Hán Nôm do con cháu họ Trương lưu giữ sẽ phần nào làm rõ thêm những chức vụ mà Trương Đăng Quế từng được bổ nhiệm cũng như phẩm chất, năng lực của ông được vua Minh Mệnh đánh giá, ghi nhận. Đồng thời, tư liệu này là minh chứng sinh động, cụ thể cho những đóng góp của ông với vương triều, với đất nước trong quãng thời gian từ 1820-1841.

*Chiếu thăng chức Thượng bảo Thiệu khanh* (năm 1828): “Chiếu ban cho viên Hàn Lâm viện Thị độc, đảm nhiệm quản lí sự vụ phòng Văn thư là Trương Đăng Quế. Khanh là người có sở trường xử lí sự việc chu đáo, biết điển chế nơi công sở. Nay chuẩn thăng thụ cho khanh giữ chức Thượng bảo Thiệu khanh, tước Quảng Vọng hầu nhưng vẫn quản lí sự vụ của phòng ấy. Người nên gắng sức cẩn trọng với chức vụ mới, kính giữ phép tắc làm quan. Nhược bằng không cẩn thận trong công việc ắt có quy chế xử phạt rõ ràng...”.

Kính lạy.

Ngày 13 tháng 10 năm Minh Mệnh thứ 09.

*Chiếu thăng chức Tả thị lang Bộ Công* (năm 1830): “Chiếu ban cho viên Thượng bảo Thiệu khanh, đảm nhiệm quản lí sự vụ phòng Văn thư đang bị giáng hai cấp là Trương Đăng Quế. Khanh là người có sở trường văn học, chính sự đủ cách liệu tòng. Nay triều đình đã đặt ra chức quan nội các làm căn cứ giúp triều đình xử lí công việc, để làm cố vấn đủ các mặt cho triều đình. Nay chuẩn thăng cho khanh chức Tả thị lang Bộ Công – tước Quảng Vọng hầu nhưng vẫn mang hàm giáng hai cấp lưu nhiệm, gánh vác việc giải quyết công cụ trong Nội các. Người nên kính cẩn giữ chức vụ, luôn thi triển mưu tốt, mãi thi thố lòng trung trinh cần mẫn không phụ sự giao phó của trăm khi sáng lập chọn lọc, uỷ nhiệm trao chức để đạt được việc như ý muốn”.

Kính lạy.

Ngày 01 tháng Giêng năm Minh Mệnh thứ 11.

*Chiếu thăng chức Tả thị lang Bộ Lễ* (năm 1830): “ Chiếu ban cho viên Tả thị lang Bộ Công, bị giáng 3 cấp bổng lộc lưu nhiệm được sung vào bàn công việc trong Nội các là Trương Đăng Quế. Khanh dự vào nơi cấm gàn đã lâu ngày, vốn có sở trường hiểu biết quan chế. Nay chuẩn cho được đổi thụ làm Tả thị lang bộ Lễ, tước Quảng Vọng hầu, vẫn mang hàm giáng 3 cấp bổng nhưng sung vào bàn công việc trong Nội các....”.

Kính lạy.

Ngày 15 tháng 5 năm Minh Mệnh thứ 11.

*Chiếu thăng tạm giữ chức Tả tham tri Bộ Hộ* (năm Minh Mệnh thứ 12- 1831): “Chiếu ban cho viên Tả thị lang Bộ Lễ nắm quyền xử lí công vụ ở Bộ Công là Trương Đăng Quế. Khanh là người mẫn cán trong công việc, vốn có sở trường hiểu biết quy định chính trị. Nay chuẩn cho thăng tạm giữ chức Tả tham tri Bộ Hộ, tước Quảng Vọng hầu nhưng vẫn mang hàm giáng 1 cấp bổng, tham gia giải quyết các sự vụ trong Bộ...”.

Kính lạy.

Ngày 7 tháng 10 năm Minh Mệnh thứ 12

*Chiếu thăng thực thụ Hộ Bộ tả tham tri* (Minh Mệnh năm thứ 13- 1832): “Chiếu ban cho viên tạm giữ chức Tả tham tri Bộ Hộ, giáng 1 cấp lưu nhiệm là Trương Đăng Quế. Khanh là người có kiến thức chính sự, vốn sở trường hiểu biết quy định. Nay chuẩn cho thăng thực nhậm chức Tả tham tri Bộ Hộ nhưng vẫn mang hàm giáng một cấp bổng lộc, tham gia giải quyết các sự vụ trong Bộ. Khanh nên gắng sức cùng nhau phối hợp giúp rập để giúp xử lí công việc, xứng đáng với sự uỷ thác trách nhiệm [của trẫm].

Kính lạy.

Ngày 17 tháng 3 năm Minh Mệnh thứ 13

*Chiếu thăng tạm quyền Thượng thư Bộ Binh* (Minh Mệnh năm thứ 14-1833): “Chiếu ban cho viên Tả tham tri Trương Đăng Quế, là bậc học giả vượt trội, vốn lão luyện trong chính trị từ lâu. Nay chuẩn thăng là quyền Thượng thư Bộ Binh, lãnh quản lí án triệu của bộ đường giải quyết sự vụ trong Bộ. [Khanh] phải gắng dốc lòng trung thành, luôn thi triển mưu kế tốt, tỏ công hiệu với sự phó thác trách nhiệm đạt được theo ý muốn [của trẫm].

Kính lạy.

Ngày 26 tháng 4 năm Minh Mệnh thứ 14.

*Chiếu bổ nhiệm làm Cơ Mật viện đại thần* (Minh Mệnh năm thứ 16 – 1835): “Chiếu ban cho viên Thượng thư Bộ Binh đang bị giáng một cấp lưu nhiệm là Trương Đăng Quế. Nay đương lúc Viện Cơ Mật mới thành lập, đặc biệt chuẩn cho [viên giữ chức Thượng thư đó] sung vào làm Cơ Mật viện đại thần. Phàm các việc công vụ đều phải tuân theo chương trình để biện bảm xử lí. [Khanh] cần phải gắng dốc lòng trung thành, luôn thi triển mưu kế tốt, tỏ công hiệu với sự phó thác trách nhiệm đạt được theo ý muốn [của trẫm].

Kính lạy.

Ngày 01 tháng Giêng năm Minh Mệnh thứ 16

*Chiếu ban hàm Thái tử Thiếu bảo* (Minh Mệnh năm thứ 16- 1835): “Chiếu ban cho Binh bộ Thượng thư sung Cơ Mật viện đại thần, kiêm quản Tào chính, Thái Thường tự Trương Đăng Quế. Là người chủ chốt cần mẫn tuyên bày kĩ năng chính trị, vừa đồng lòng vừa đồng đức. Nay chuẩn cho được thăng hàm Thái tử Thiếu bảo, dùng để khuyến khích tướng thưởng công lao”.

Kính lạy.

Ngày 20 tháng 11 năm Minh Mệnh thứ 16.

[13;186-196]

Như vậy, dưới triều vua Minh Mệnh, Trương Đăng Quế có nhiều cơ hội được thử thách các nhiệm vụ khác nhau. Dù ở cương vị nào ông cũng dốc sức, tận tâm, thực hiện đúng nguyên tắc công bằng, chính trực. Đặc biệt, trong việc tham vấn với vua về thăng giáng, bổ nhiệm nhân sự, hay góp ý về việc tuyển bổ các thông phán, kinh lịch ở các tỉnh [19; 422] ông đều chủ trương lấy hiệu quả công việc và sự trung thành, tận tụy với triều đình làm cơ sở để đánh giá: “phân biệt các ty thuộc, sai siêng, ai lười tâu lên, cứ những người cần cán siêng năng, nên thăng và bỏ ra ngoài những ai học thức tầm thường. Không thiên tư” [19; 73]. Khi Pháp đưa tàu chiến đến đậu ở cửa biển Đà Nẵng, Nội các Thị giảng học sĩ Nguyễn Tri Phương vâng mệnh vua đến gặp nhưng không thành công. Trương Đăng Quế được vua sai đi với tư cách quan Thương bạc, ông đã trao đổi, nắm

ý đồ của tàu Pháp để về tàu lại với vua. Sự kiện tuy nhỏ nhưng cũng cho thấy sự khẩn trương, khéo léo trong giao tiếp của Trương Đăng Quế [119;118].

Vua Minh Mệnh trọng tài năng, đức độ của ông, thường cùng ông bàn bạc về quốc sự [19; 12], về những điều ghi chép trong sách vở cổ như đạo trị nước [19;100], giá thóc gạo [19;100,106], cách chọn kẻ sĩ [22;117].... Vua Minh Mệnh đã từng có lần khen trước văn võ bá quan trong triều Trương Đăng Quế là người “biết rõ việc”. *Thực lục* chép lại sự việc này như sau: “Vua thường hỏi Thị lang bộ Binh là Nguyễn Trọng Vũ về việc binh chính. Vũ không trả lời được. Nhân đó, vua bảo thị thần rằng: “Hộ bộ Trương Minh Giảng và Trương Đăng Quế, Binh bộ Lê Văn Đức đều biết rõ việc trong bộ. Còn như lũ Đỗ Khắc Thư và Nguyễn Trọng Vũ, mỗi khi hỏi đến phần nhiều không đáp được. Lũ ấy dẫu vì có thực thà chất phác nên được bổ dùng, nhưng đã làm quan, phải cố gắng, để khỏi phụ chức trách của mình, há nên như thế được ư?” [19; 422]. Ba năm sau, năm 1835, vua Minh Mệnh khen ngợi các đại thần Viện cơ mật, trong đó có Trương Đăng Quế là “sớm tối siêng năng, làm việc gì cũng thanh thoả”. Ngoài phần khen thưởng chung vua ban cho cùng các đại thần khác là “gia thêm một cấp”, Trương Đăng Quế và Hà Tông Quyền còn được vua thưởng thêm mỗi người gạo lương 1 năm [22; 677].

Nội dung các bản chiếu nêu ở trên cho thấy, không chỉ có khen ngợi mà với lỗi sai, khuyết điểm của quan lại triều đình dù ở cấp bậc nào vua Minh Mệnh cũng có hình thức trách phạt nghiêm khắc. Trương Đăng Quế cũng không là ngoại lệ. Mỗi lần bổ nhiệm Trương Đăng Quế vào chức vụ nào đó khi án phạt còn chưa hết, trong chiếu chỉ của nhà vua luôn có sự nhắc nhở về mức phạt kèm theo lời đánh giá về phẩm chất và năng lực làm việc của ông. Càng những năm về sau, vua Minh Mệnh dành cho Trương Đăng Quế không chỉ có ngợi khen mà còn cả sự tin yêu, quý trọng. Nhà nghiên cứu Yoshaharu Tsuboi đã có nhận xét rất sâu sắc: “Trương Đăng Quế đã phục vụ lâu dài trong triều đình và được ân thưởng bởi một người biết đánh giá năng lực quan lại và có yêu cầu nghiêm khắc” [23; 206].

### **2.2.2. Hoàn thành hai chuyến kinh lược: Nam Kỳ (1836), Thanh Hoa (1837) với những kết quả quan trọng**

Một đóng góp nổi bật của Trương Đăng Quế dưới triều vua Minh Mệnh là hoàn thành vai trò Kinh lược sứ với kết quả to lớn, có ý nghĩa lâu dài, nhiều mặt với vương triều Nguyễn.

Kinh lược có hàm nghĩa là “kinh doanh sửa trị, chấn chỉnh thiết chế”, đồng thời thực hiện công tác thanh tra, giám sát đặc biệt dưới triều Nguyễn ở một địa phương cụ thể. Về thành phần tham gia phái đoàn kinh lược, nhà Nguyễn không có quy định thống nhất, tùy theo mục đích của mỗi lần kinh lược mà triều đình sẽ lựa chọn những viên quan có chức năng tương ứng. Nhưng thông thường, nhà vua sẽ lựa chọn những quan lại thanh liêm, chính trực, tư cách tốt để thay mặt vua đến thanh tra, giám sát và giải quyết tại chỗ các công việc quan trọng của địa phương đó [24;173-174].

Tài năng và phẩm chất của Trương Đăng Quế được thử thách qua thực tiễn công tác, ở nhiều cơ quan trong triều đình và ở nhiều cương vị khác nhau. Vua Minh Mệnh tin tưởng ở sự trung thành, trung thực, khẩn cần và khả năng xử lý công việc của ông nên đã giao cho trọng trách đi kinh lược Nam Kỳ năm 1836. *Thực lục* chép: “Sai quan đi kinh lý sáu tỉnh Nam Kỳ”. Theo *Thực lục*, ngoài Trương Đăng Quế và Nguyễn Kim Bảng thì trong đoàn kinh lược còn có hai Phó sứ là thự Lê bộ Hữu thị lang Tôn Thất Bạch và thự Thông chính sứ Nguyễn Đắc Trí, 2 viên ngoại lang, 1 chủ sự, 1 tư vụ, 8 bát, cửu phẩm thư lại, 12 vị nhập lưu thư lại, 2 thị vệ, 2 hộ vệ, 2 giám thành, 6 trấn phủ, 18 thuộc binh, 10 người theo hầu [22; 887].

Với lịch sử của vương triều Nguyễn nói chung, triều đại của Minh Mệnh nói riêng thì đây là đoàn công tác đặc biệt, có thể coi là sự tiếp nối những công việc còn lại của công cuộc cải cách hành chính do Minh Mệnh tiến hành trước đó, nhằm tăng cường quyền lực và sự kiểm soát của Nhà nước đối với toàn lãnh thổ. Trước đó, sau khi dập tắt phong trào khởi nghĩa của Nông Văn Vân ở Bắc Kỳ, thu phục thành Phiên An ở Gia Định, dẹp sạch bè đảng của Lê Văn Khôi, vua Minh Mệnh đã bộc lộ ý định sắp đặt lại tình hình ở Nam Kỳ. Trong một cuộc chuyện trò với

Trương Đăng Quế, nhà vua nói: “Người Nam Kỳ phần nhiều mạnh mẽ, can đảm, nơi khác không so sánh được. Gần đây, vì giặc Khôi nổi loạn, quân Xiêm sang xâm lấn các hạt có nhiều hương đồng ứng nghĩa, tòng chinh, tập quen chiến trận; sau này, nếu có việc, động dụng đến, hẳn là đắc lực. Đó là điều đáng mừng. Duy trong ấy có kẻ bất lương, hoặc giả nhân vốn tập quen việc binh rồi ăn dung ngồi rồi, chẳng khỏi xướng xuất nổi làm giặc cướp, thì đó là điều đáng lo! Khi việc yên rồi tất phải một phen xếp đặt, mới mong vô sự được” [22; 36].

Nhiệm vụ của phái đoàn kinh lí được vua Minh Mạng nêu trong lời dụ: “Nay phái Kinh lược sứ đi đến sáu tỉnh, thay trăm kinh lí một phen; phạm tất cả mọi việc quân, dân hễ điều hại nên bỏ, điều lợi nên làm thì đều chuẩn cho lần lượt tâu lên mà làm. Mà việc ranh giới ruộng đất lại càng trọng yếu” [22; 879]; “việc kinh lí lần này, tuyển lính để bảo vệ dân, đặc ruộng để định cương giới đều là chính sự lớn của nước... phạm việc lợi nên làm, việc hại nên bỏ, đều châm chước mà làm, cốt được ổn thoả và tốt” [22; 903].

Ngày 18 tháng 2 năm Bính Thân (1836), Minh Mệnh năm thứ 17, phái đoàn lên đường, đi theo đường thủy và sau 6 ngày thì vào tới Gia Định. Ngày mùng 1 tháng 4 năm Bính Dần (1836), tức là chỉ chưa đầy hai tháng kể từ ngày xuất phát, Trương Đăng Quế đã gửi báo cáo đầu tiên về triều đình, trong đó trình bày rõ những vấn đề thực trạng dân cư và đất đai, tiến độ công tác đo đạc và tuyển lính.

Mặc dù gặp nhiều cản trở từ các yếu tố khách quan, chủ quan như sự chưa thật sự thông suốt trong đội ngũ quan lại địa phương về chủ trương đo đạc của triều đình, sự thiếu thống nhất về đơn vị đo, cách đo ruộng đất, những rắc rối về quyền sở hữu và chiếm hữu do lịch sử để lại; nhân sự phục vụ công tác đo đạc ruộng đất quá ít, không thạo việc trong khi khối lượng công việc nhiều..., nhưng có thể thấy quan điểm, lập trường của Kinh lược đại sứ Trương Đăng Quế trước sau như một, thể hiện một tâm thế vững vàng, nhất quán. Ông tán đồng với chủ trương đo đạc ruộng của triều đình và kiên định thực thi nhiệm vụ, bất chấp mọi khó khăn. Theo ông, “Ruộng không đo đạc ngay thì lấy đâu làm chuẩn mà định thuế lệ và giữ cho nhiều, ít được quân binh?” [22; 904].

Tháng 7 cùng năm (1836), phái đoàn kinh lí hoàn thành công việc đo đạc ruộng ở sáu tỉnh Nam Kỳ. Ruộng đất các tỉnh Nam Kỳ sau khi đo xong đã được quy vào các hạng, ghi vào sổ địa bạ và đánh thuế. Trương Đăng Quế dâng lên nhà vua Bản tâu trình gồm 14 điểm, trong đó có kê tổng số ruộng đất được khám đạc là hơn 630.075 mẫu các hạng [22; 983].

Trên cơ sở kết quả của công tác đo đạc, làm sổ ruộng đất, với vai trò là Kinh lược đại sứ, Trương Đăng Quế đề đạt một số biện pháp nhằm hạn chế tình trạng bỏ hoang ruộng đất. Ông cũng đề nghị cơ chế giám sát tình hình ruộng đất ở các địa phương như hằng năm các đốc, phủ, bố, án kiểm soát các phủ huyện, phủ huyện kiểm soát các tổng xã về sự tăng giảm ruộng đất rồi tâu báo về triều đình.

Nhiệm vụ quan trọng thứ hai của chuyến kinh lược là tuyển lính. Trương Đăng Quế nêu ra lí do của tình trạng dân Nam Kỳ trốn tuyển lính hoặc quân lính bỏ trốn. Trên thực tế, binh lính bỏ trốn hoặc trốn không đi lính còn do một số lí do khác nữa như tính chất lao dịch nặng nề trong quân đội triều Nguyễn, thời gian tại ngũ của binh lính quá dài. Mặc dù vậy, những đề nghị mà Trương Đăng Quế cũng đã chỉ ra những lỗ hổng trong công tác tuyển binh và quản lí quân đội của triều Nguyễn. Vua Minh Mệnh đã căn cứ vào đó và có những chỉ dụ kịp thời để chấn chỉnh [22; 987].

Trong quá trình đi kinh lược, Trương Đăng Quế cùng các cộng sự của mình đã quan sát, tiếp xúc với dân chúng để nắm bắt tình hình an ninh trật tự ở các địa phương [22; 987]; bàn bạc cùng quan lại địa phương về việc đánh thuế thuyền đi trên sông [22; 991].

Cùng với Trương Minh Giảng, Trương Đăng Quế đã đến tận thành Quang Hoá (phủ Tây Ninh, tỉnh Gia Định) để khảo sát trực tiếp địa hình địa vật, tình hình quản lí dân cư và đất đai của quan lại tại đây. Nguyên vùng này do Lê Văn Duyệt trước đây chiếm làm của riêng, hưởng lợi rất nhiều về các nguồn sản vật. Sau khi xem xét tình hình, Kinh lược sứ đề xuất vị trí đặt phủ lỵ, dựng đồn bảo làm phen giậu cho Gia Định và tặng thêm thanh thế cho Trấn Tây. Căn cứ vào báo cáo



của hai vị Kinh lược đại sứ, vua Minh Mệnh dụ rằng: “Nay đổi đặt đồn Xi Khê làm huyện Tân Ninh; đạo Quang Hoá đổi đặt làm huyện Quang Hoá, gọi thành Quang Hoá là huyện thành. Nhân cái đồn bảo cũ chừa cao rộng thêm để làm thành phủ thành. Đồi sông Đục là sông Thanh Lưu, đặt đồn, bảo Thanh Lưu cho lệ thuộc vào huyện Tân Ninh [22; 989]. Đồng thời, Trương Đăng Quế tiến hành sắp xếp lại các đơn vị hành chính thuộc hai huyện Tân Ninh và Quang Hoá, chia thành tổng, chọn dân Kinh người nào mẫn cán làm cai tổng; thống kê số dân Kinh, dân Phiên để đặt định chế độ thuế khoá. Tệ làm ăn gian dối của một nhóm quan lại ở Quang Hoá được đoàn báo cáo về triều đình nghiêm trị.

Như vậy, chỉ một chuyến công tác ngắn, từ tháng 2 tới tháng 7 (âm lịch) năm 1836, Kinh lược đại sứ Trương Đăng Quế cùng đoàn tùy tùng đã hoàn thành một cách trọn vẹn những trọng trách nhà vua giao phó. Kết quả đạt được của chuyến đi này có ý nghĩa quan trọng về lâu dài cho công tác quản lý dân cư, đất đai của nhà Nguyễn, cụ thể:

*Thứ nhất*, công tác đo đạc ruộng đất đạt được nhiều thành quả:

1. Diện tích ruộng công tăng, tạo cơ sở gia tăng nguồn thuế thu nộp cho Nhà nước. Ruộng đất được đo đạc, xác định mốc giới rõ ràng, phân hạng và được ghi chép thống nhất trong sổ địa bạ làm cơ sở để Nhà nước áp thuế; hạn chế tình trạng kiện cáo tranh giành về đất đai.

2. Thống nhất và phổ cập đơn vị đo lường theo chuẩn chung của cả nước là mẫu, sào, thước, tấc. Đây là một công việc không dễ trong điều kiện hoàn cảnh lịch sử của thế kỉ XIX mà triều Nguyễn nói chung, Trương Đăng Quế với vai trò Kinh lược sứ nói riêng đã triển khai được trên vùng đất Nam Bộ.

3. Quản lý được ruộng đất vừa là cơ sở để tính thuế, thu thuế nhưng đồng thời cũng là quản lý, phân hoá được nguồn nhân lực phục vụ cho các kì tuyển binh và các công việc tạp dịch khác.

*Thứ hai*, không những nhanh chóng tuyển đủ số lính mà tình trạng thiếu lính khi tuyển, lính trốn khỏi quân ngũ cũng đã được tìm ra nguyên nhân và có điều chỉnh kịp thời. Những bất ổn về an ninh trật tự do trộm cướp gây ra cũng được khắc phục bằng các hình phạt nặng hơn, có tính răn đe hơn trước.

*Thứ ba*, xiết chặt lại hệ thống tuần tảo từ đầu nguồn, các ngã ba sông, quy định lại lệ thuế thuyền đi sông ở sáu tỉnh Nam Kỳ. Việc làm này vừa để không bỏ sót thuế, đảm bảo an ninh quốc phòng và đồng thời kiểm soát các vụ buôn bán trộm lúa gạo cho thuyền người nhà Thanh. Việc buôn bán lậu của các lái buôn gạo cho người nhà Thanh đã làm cho giá lúa gạo trên thị trường bất ổn định, nguy hiểm hơn nữa là tạo điều kiện cho thuốc phiện từ các thuyền buôn nhà Thanh đưa vào nước ta. Điều này trước đây đã được Bộ chính Vĩnh Long tâu báo về triều đình. Mọi nguy hại này cũng đã được hạn chế, ngăn ngừa trong chuyến kinh lược của Trương Đăng Quế.

*Thứ tư*, đặt thêm được đơn vị hành chính mới là phủ Tây Ninh với hai huyện thống thuộc ở nơi vốn là “sân sau” của Lê Văn Duyệt. Bằng việc làm này, Minh Mệnh đã khẳng định quyền lực của triều đình trung ương ở một vùng đất xa kinh thành nhưng có vị trí chiến lược quan trọng – giáp giới với Chân Lạp nên giữ vai trò là phen dậu của Gia Định. Trước đây, những nguồn lợi từ đất đai, sông, rừng... và dân phủ Tây Ninh bị Lê Văn Duyệt độc chiếm thì nay nhà nước đã quản lý bằng hệ thống hành chính cấp phủ, huyện, tổng kèm theo lực lượng quân đồn trú; đặt chế độ thuế khoá phù hợp cho các đối tượng dân Kinh, Phiên cư trú tại đây.

Hoàn thành xuất sắc chuyến kinh lược Nam Kỳ năm 1836, ngay năm sau Trương Đăng Quế được vua tin tưởng cử đi kinh lược Thanh Hoa (Từ năm 1841 (Thiệu Trị năm thứ 1) do kì hỷ mẹ vua Thiệu Trị là bà Hồ Thị Hoa nên đổi Thanh Hoa thành Thanh Hóa.).

Một thực trạng dưới thời Nguyễn là dù ban hành nhiều chính sách khẩn hoang tích cực, thậm chí miễn giảm tô thuế, nhưng xã hội thời Nguyễn không ổn định, các cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra triền miên và triều Nguyễn không thể nào giải quyết nổi [6; 20]. Chỉ tính riêng 20 năm dưới thời Minh Mạng, số các cuộc khởi nghĩa nổ ra là 234 cuộc [25; 48].

Ninh Bình, Thanh Hoa là hai trong số nhiều địa phương liên tục xảy ra tình trạng bất ổn ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khiến triều đình nhà Nguyễn từ đầu thời kỳ Minh Mệnh trị vì đã phải liên tục dùng mọi biện pháp từ phủ dụ, vỗ về đến trấn áp bằng quân sự nhưng không thể giải quyết triệt để được tình hình rối ren tại đây. Hơn thế, đây còn là địa bàn hoạt động của nghĩa quân dưới sự chỉ huy của thủ lĩnh Lê Duy Lương. Tận dụng địa thế hiểm trở của vùng núi rừng các huyện Lang Chánh, Cẩm Thủy, Quan Hoá, nhân dân các dân tộc thiểu số (sử nhà Nguyễn gọi họ là “phi Thanh Hoa”, “giặc”) đã bền bỉ đấu tranh chống lại triều đình Nguyễn. Theo bản tâu trình gửi triều đình của Ninh Bình Kinh lược Tạ Quang Cự, Tham tán Hà Duy Phiên thì vùng Thanh Hoa, Ninh Bình có vị trí địa lý cận kề, là nơi cư trú lâu đời của các nhóm người Mường thuộc các họ Đinh, Quách, Hà: “Thanh Hoa, Ninh Bình địa thế liền nhau. Nay thổ phi ở Thanh Hoa đã dần dần lan tràn thì địa phận Ninh Bình càng nên nghiêm cẩn phòng bị. Tựu trung một vùng Thạch Bi là chỗ bọn phi phạm Đình Thế Đội, Đình Thế Đức, Đình Thế Quân và con Quách Tất Công là Quách Tất Ròng tụ họp lẫn trốn. Nơi ấy lại ở địa đầu Ninh Bình, phía dưới thông tới Sơn Âm, phía trên tiếp giáp hai châu Mai, Mộc thuộc Hưng Hoá và sách Cổ Lũng thuộc Thanh Hoa: núi rừng rộng hiểm, số dân đông nhiều...” [22;1067]. Và: “Anh em tên phạm trốn là Quách Tất Công, Quách Tất Tại đời đời làm ác, bấy lâu chỉ chuyên dùng con cháu nhà Lê làm cái mối xúi giục đồ dành dân Mán, mà trong bè đảng của chúng, cha con Đình Thế Đội, Thế Đức lại là những tên hiệt kiệt nhất, thứ đến Quách Phúc Thành, Quách Công Thản...” [22;1060,1061]. Tính đến tháng 12 năm 1836, ngay trước cuộc kinh lược của Trương Đăng Quế, với sự nỗ lực của quan tướng triều đình kết hợp với địa phương như Thự đốc Thanh Hoa Hoàng Văn Ân, Thự Bố chính Thanh Hoa Nguyễn Nhược Sơn, quân thứ Tôn Thất Bật ở Thanh Hoa, đội quân quy hàng của Hà Công Dụng mà vùng Ninh Bình, Thanh Hoá đã tạm thời ổn định, nhất là sau khi Thổ mục Ninh Bình Quách Công Độ bắt được đồ đảng giặc là Quách Phúc Thành – cánh tay phải của Quách Tất Công [22;1061].

Về chuyến kinh lược Thanh Hoa của Trương Đăng Quế, *Thực lục* chép: “Cho Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Binh bộ Thượng thư Cơ mật viện đại thần là Trương Đăng Quế làm Thanh Hoa Kinh lược sứ; Hữu thị lang bộ Hình là Doãn Uẩn và Bố chính Bắc Ninh là Nguyễn Đăng Giai làm Kinh lược phó sứ... Nhằm giờ tốt ngày 24 tháng ấy, đem phù tiết và cầm cờ bài “vương mệnh” dẫn đầu quan quân, lên ngựa tiến đi” [22; 1073]. Minh Mệnh đánh giá, phân tích rất sát thực trạng xã hội của vùng đất Thanh Hoa khi đó, thể hiện qua lời Dụ: “thổ dân sở tại cũng yên ổn trong cảnh cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống. Mới đây xảy ra lũ xuẩn động, gây nên sự biến, làm phiền quan quân phải đi đánh dẹp. Nay quan quân nhiều lần báo tin thắng trận, chắc có thể tính ngày dẹp xong thổ phi...”; và “trừ tính công việc thiện hậu,... buộc phải sắp xếp lại một phen, để cách bỏ cái tệ hại chứa chất đã lâu” [22;1074]. Như vậy, sau khi nắm bắt tình hình hai tỉnh Ninh Bình, Thanh Hoa và nhận thấy khu vực này đã có những dấu hiệu chuyển biến tích cực, vua Minh Mệnh đã bổ nhiệm Trương Đăng Quế làm Kinh lược sứ Thanh Hoa. Đoàn kinh lược có trọng trách thay mặt nhà vua xử lý các vấn đề cấp thiết của địa phương, sắp đặt lại mọi việc quân dân cho quy củ, vào nền nếp sau một thời gian bị xáo trộn do sự nổi dậy của các lực lượng người dân tộc thiểu số ở vùng rừng núi miền Tây Thanh Hoá ngày nay. Điều đáng nói ở đây là nhân sự cấp cao trong triều đình khi đó không thiếu, hơn nữa Trương Đăng Quế vừa có chuyến công tác ở Nam Kỳ về, nhưng vua Minh Mệnh vẫn tin tưởng ở Trương Đăng Quế, giao cho ông nhiệm vụ mới. Mặc dù đó là thời điểm gần sát Tết Nguyên đán, nhà vua cho phép “đợi sau tết Nguyên đán sẽ lên đường cũng được”, nhưng Trương Đăng Quế cho rằng “Binh cơ cần phải khẩn cấp. Xin cho đi ngay trước tết. Vua y cho” [22; 1073].

Chuyến kinh lược lần này của Trương Đăng Quế diễn ra trong vòng gần 6 tháng, từ cuối tháng 12 năm 1836 tới tháng 5 năm 1837.

Nhìn toàn bộ quá trình kinh lược Thanh Hoa của Trương Đăng Quế, có thể nhận thấy một thực tế, đó là hoạt động tiêu phi diễn ra xuyên suốt thời gian kinh lược. Quân triều đình kết hợp với quân, dân địa phương truy bắt lực lượng chống đối, nổi dậy do Trương Công Mật, Phạm Công

Quán, Đinh Kim Bảng, Phạm Thúc Hiền, Phạm Thúc Liêm, Hà Công Kim... cầm đầu. Xuất phát từ thực tiễn thâm nhập địa phương, Trương Đăng Quế cho rằng: “6 huyện châu Thạch Thành, Quảng Địa, Cẩm Thủy, Lương Chính, Quan Hoá, Thường Xuân vốn là ràng buộc, cai trị một cách sơ sài, vừa rồi xảy ra việc loạn, đều bởi thổ tù chuyên chế thổ dân mà sinh ra” [26; 76]. Đồng quan điểm với Trương Đăng Quế, vua Minh Mệnh cho rằng: “Thổ tù ở Thanh Hoa noi theo thói cũ đòi đòi kẻ tiếp, quen dùng thế lực hiếp chế tiểu dân, một khi nổi lên làm loạn, những dân ngu dại bị chúng xua đuổi... sau khi việc yên, tất phải một phen chỉnh lí để trừ bỏ thói cũ” [26; 77].

Trên tư cách là Kinh lược sứ Thanh Hoa, Trương Đăng Quế tâu bày nhà vua về kết quả công việc, đồng thời đề xuất các biện pháp giải quyết cụ thể đối với những vấn đề cấp thiết của địa phương, tập trung vào các nội dung sau:

- Với phương châm “tuỳ theo địa thế xa gần, định điền nhiều ít, chia đặt tổng làng, làm ra sổ sách” [26; 77], Trương Đăng Quế cho tiến hành việc đổi sách động của người dân tộc thiểu số ở Thanh Hoa thành các xã, thôn, tổng. Với những động sách đông dân thì cho tách thành 3, 5 xã hoặc 7, 8, 9 xã thôn để dễ cai quản; chọn người hiểu biết làm lí trưởng; chọn người đầu mục thật thà làm Cai tổng, Phó tổng đặt dưới quyền Tri châu, Tri huyện để thực thi các công việc của nhà nước. Diện mạo hành chính của một số địa phương thuộc Thanh Hoa và toàn tỉnh Thanh Hoa nói chung có sự thay đổi không nhỏ sau cuộc kinh lược của Trương Đăng Quế:

**Bảng 2. Sự thay đổi về hành chính ở một số phủ, huyện của Thanh Hoa năm 1837**

Tên đơn vị hành chính		Trước tháng 5 năm 1837	Sau tháng 5 năm 1837
Phủ Quảng Hoá	Huyện Cẩm Thủy	7 tổng 52 sách, trang, trại	Đặt làm 9 tổng, 71 xã thôn
	Huyện Quảng Địa	5 tổng 26 sách, trang, trại	Đặt làm 27 xã
	Huyện Thạch Thành	6 tổng 61 sách, trang, trại	Dồn làm 54 xã
Phủ Thọ Xuân	Châu Quan Hoá	13 động, thôn	Đặt làm 6 tổng, 28 xã
	Châu Lương Chính	15 động	Đặt 8 tổng 43 xã, thôn
	Châu Thường Xuân	2 tổng 17 động, sách	Đặt 4 tổng, 26 xã, thôn
	Huyện Lôi Dương	2 tổng Bái Đô, Mục Sơn ở thượng du gồm 14 trang, sách	Dồn làm 12 xã
Phủ Tĩnh Gia	Huyện Nông Công	2 tổng Lai Triều, Lãng Lãng gồm 7 sách	Đều đổi làm xã
Phủ Thiệu Hoá	Huyện Thụy Nguyên	3 tổng Quảng Thi, An Tràng, Ngọc Lặc 18 sách	Đều đổi làm xã

[Nguồn: 22; 77]

- Lập châu mới là Thường Xuân (phủ Thọ Xuân), châu lỵ đặt ở đồn Trịnh Vạn [26;63].
- Xiết chặt chế độ quản lí 6 huyện, châu Thạch Thành, Quảng Địa, Cẩm Thủy, Lương Chính, Quan Hoá, Thường Xuân bằng cách tịch thu bằng sắc, bỏ ngạch cũ của các thổ tù vốn mang các chức như Thiêm sự, Phòng ngự, Đồng tri “để trừ mối tệ thổ tù kế tiếp nối theo” [26;76]. Riêng những thổ ty, thổ mục đã theo đi đánh giặc, có công trạng, thì bỏ vào các chức cai đội, đội trưởng. [26; 92]. Các châu, phủ Lương Chính, Thọ Xuân đều có quan của triều đình làm Tri châu, Quản vệ.
- Lập sổ điền, sổ đinh; là cơ sở để sau 3 năm sẽ đo, vẽ làm thành địa bạ và chiếu sổ tuyển lính.
- Giảm thuế năm đó (1837) cùng số thiếu năm trước cho các huyện Thạch Thành, Quảng Địa, cùng các huyện châu Cẩm Thủy, Quan Hoá, Lương Chính, Thường Xuân để cứu đói cho dân.
- Không truy xét tội những thổ mục, thổ dân ra đầu hàng; sủng điều thương thu được đều giao cho tỉnh cất giữ (550 sủng). Cắt đặt quân lính đóng giữ những chỗ quan yếu (đồn Ninh Lương).
- Dạy chữ cho con em thổ dân để biến đổi phong tục người Man.

Tháng 5 năm 1837, Trương Đăng Quế được vua Minh Mệnh triệu hồi về Kinh. Vua dụ rằng: “Người là đại thần nhất phẩm, chức giữ cơ mật trọng yếu, há nên ở ngoài lâu, nay việc kinh lí đã làm xong, chỉ còn 1, 2 đũa giặc trốn, cho giao cho Nguyễn Đăng Giai nghiêm đốc bọn thú đỉnh và làm việc chuộc tội tìm bắt... Khi người tiếp được dụ đến, lập tức đi thông thả về Kinh cung chức” [26; 92].

Kết quả lớn nhất của chuyến kinh lược Thanh Hoa năm 1837 do Trương Đăng Quế dẫn đầu là hoàn thành về cơ bản công tác đánh dẹp thổ phỉ, lập lại an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Thanh Hoa. Song song với việc tiêu phỉ, Trương Đăng Quế sắp xếp lại các tổng, xã, thôn. Bằng cách này, quyền lực của các thổ tù địa phương bị hạn chế, quyền lực của nhà nước được tăng cường ở vùng trung du và thượng du Thanh Hoa, nơi cư trú lâu đời của các tộc người thiểu số. Giống như đã làm ở Nam Kỳ, việc kiểm kê đất đai và dân đinh cũng được Trương Đăng Quế và cộng sự của ông tiến hành ở Thanh Hoa. So với số đinh sở cũ, sở mới thêm 1.393 người, tổng cộng là 3.083 đinh; ruộng đất thêm hơn 8.302 mẫu, tổng cộng là 13.223 mẫu [26; 77]. Đứng từ góc độ kinh tế, đây là nguồn lợi không hề nhỏ đối với triều đình khi số đinh của một địa phương tăng 82,4 % và số điền tăng 169,1 % . Đồng thời với đó là quản lí nhà nước được tăng cường, an ninh quốc phòng và trật tự xã hội ở địa phương được củng cố, giáo dục được mở rộng tới một bộ phận con em người dân tộc thiểu số, tạo điều kiện cho việc triển khai và thực thi các chính sách của nhà nước một cách đồng bộ và hiệu quả.

### 3. Kết luận

Được thành lập vào đầu thế kỉ XIX, vương triều Nguyễn dẫn dắt đất nước đi qua giai đoạn bản lề của lịch sử dân tộc, của thời đại với không ít những thăng trầm, biến cố. Mặc dù vậy, không thể phủ nhận một thực tế, đó là ở giai đoạn nào triều Nguyễn cũng có những nhân tài, đại thần trung thành, chính trực, tài năng gánh vác các trọng trách; có nhiều công hiến cho vương triều, cho đất nước. Gắn bó với triều đại của vua Minh Mệnh ngay từ những ngày đầu tham chính, Trương Đăng Quế được nhà vua trọng dụng, tin dùng, thử thách qua nhiều vị trí khác nhau trong các cơ quan của triều đình. Công hiến của ông trải trên nhiều lĩnh vực nhưng có lẽ Trương Đăng Quế để lại dấu ấn rõ nhất trong lịch sử là qua hai lần kinh lược: Nam Kỳ năm 1836, Thanh Hoa năm 1836-1837. Trong hai chuyến công tác này, năng lực quản lí, điều hành, tổ chức của Trương Đăng Quế có cơ hội được bộc lộ, được áp dụng vào thực tiễn qua xử lí các tình huống phát sinh bất ngờ hay các công việc cấp thiết tại địa phương. Đặc thù của vùng đất Nam Kỳ và Thanh Hoa khác nhau trên cả phương diện địa lí tự nhiên và văn hoá, xã hội cũng như những vấn đề cần triều đình can thiệp, xử lí kịp thời. Tuy nhiên, với lòng trung thành, sự tận tâm, chính trực, thanh liêm và năng lực tổ chức, quản lí sẵn có, Trương Đăng Quế đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của một quan đại thần, một Kinh lược sứ.

Từ khảo cứu về Trương Đăng Quế với tư cách là một đại thần của triều Nguyễn, sự nghiệp của ông trong 21 năm (1820-1841), cho thấy cách dùng người rất linh hoạt, trọng thực tài, thường phạt công minh của vua Minh Mệnh. Không những thế, thực trạng đất nước trong những năm 1820-1841 và nguyên nhân ra đời công cuộc cải cách hành chính của Minh Mệnh cũng được nhìn nhận một cách đầy đủ, toàn diện hơn. Mặc dù được thành lập từ đầu thế kỉ XIX, nhưng sau mấy thập kỉ tồn tại, vương triều Nguyễn vẫn chưa thực sự nắm chắc được các địa phương xa kinh thành Huế như vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở miền Bắc Trung Bộ, khu vực Bắc Bộ và thậm chí cả vùng đất Nam Bộ - nơi vốn được coi là đất bản bộ của vương triều với hàng loạt những lí do khách quan và chủ quan. Cuộc cải cách hành chính do Minh Mệnh khởi xướng vào những năm đầu thập niên 40 của thế kỉ XIX chắc chắn xuất phát từ việc nhìn thấu những yếu điểm, lỗ hổng trong quản lí nhà nước về hành chính; thể hiện quyết tâm, tham vọng của Minh Mệnh về xây dựng nhà nước trung ương tập quyền vững mạnh; khẳng định quyền lực của nhà nước trên toàn lãnh thổ.

Việc lập sở địa bạ hay sở điền, sở đinh sau các cuộc kinh lược Nam Kỳ, Thanh Hoa vừa là kết quả, vừa là sự thể hiện sức mạnh của vương triều; đặt nền móng cho việc điền chế hoá những

nội dung liên quan đến tài nguyên đất đai và con người trong thời kì trị vì tiếp theo của vương triều Nguyễn.

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch lâu dài đó của Minh Mệnh, ý chí và quyết tâm của nhà vua sẽ không đủ mà cần phải có sự ủng hộ và trực tiếp tham gia của các vị quan đầu triều có đủ uy tín và năng lực thực tiễn. Trương Đăng Quế chính là một trong những gương mặt tiêu biểu trong hàng ngũ đại thần dưới thời Minh Mệnh hội đủ tài năng, cũng như sự lịch duyệt mẫn cán, đã góp phần quan trọng hiện thực hóa quá trình chuyển đổi bộ máy Nhà nước triều Nguyễn trở nên hoàn thiện, mẫu mực và tập trung quyền lực cao độ vào giữa thế kỉ XIX.

Mặt khác, qua hai chuyến kinh lược Nam Kỳ và Thanh Hoa, Trương Đăng Quế đã góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội và đời sống của người dân ở hai vùng đất quan trọng bậc nhất đối với triều Nguyễn. Trong khi Nam Kỳ được xem là đất trung hưng thì Thanh Hoa là quê quán và là nơi phát tích của dòng họ Nguyễn. Chính vì vậy việc chấn chỉnh, sắp đặt lại công việc, đưa tình hình chính trị - xã hội đi vào trật tự ở Nam Kỳ và Thanh Hoa có ý nghĩa lớn đối với triều Nguyễn. Việc Trương Đăng Quế được lựa chọn làm Kinh lược sứ hai địa phương này đã phản ánh sự tin tưởng của vua Minh Mệnh vào tài năng cũng như ủy thác trọng trách đối với đại thần đầu triều.

Nhìn lại toàn bộ sự nghiệp của Trương Đăng Quế có thể thấy, tài năng và phẩm hạnh của ông đã hội tụ và phát huy cao độ dưới thời Minh Mệnh. Qua đó cũng cho thấy Trương Đăng Quế không chỉ là một người xuất thân thực học mà trong sự nghiệp quan trường “văn trị, võ công” ông đều có thành tựu to lớn, xứng đáng là “Cổ mệnh lương thần” dưới triều Nguyễn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] NQT Tiên, (1994). Trương Đăng Quế với chữ hoà, *Các tham luận tại Hội thảo khoa học về Trương Đăng Quế lần thứ nhất*, Sở VH TT & TT Quảng Ngãi. 83-86
- [2] ĐN Khôi, (1994). Trương Đăng Quế và giai đoạn lịch sử giữa thế kỉ XIX. *Các tham luận tại Hội thảo khoa học về Trương Đăng Quế lần thứ nhất*, Sở VH TT & TT Quảng Ngãi, 122-125.
- [3] Q Thái, (1994). Trương Đăng Quế, một chân dung kiệt xuất của núi Ấn sông Trà. *Các tham luận tại Hội thảo khoa học về Trương Đăng Quế lần thứ nhất*, Sở VH TT & TT Quảng Ngãi. 99-105.
- [4] Sở Văn hoá và Thể thao Quảng Ngãi, (1994). *Các tham luận tại Hội thảo khoa học về Trương Đăng Quế lần thứ nhất*. Quảng Ngãi.
- [5] VV Quân, (2006). Trương Đăng Quế và cuộc kinh lí vùng đất Nam Bộ, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 7. 36-43
- [6] NC Triều, (2008). Từ Lê Chắt và Trương Đăng Quế đôi điều suy ngẫm về thuật sử dụng người tài của nhà Nguyễn, *Kỉ yếu hội thảo Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX*. NXB Thế giới. 474-477.
- [7] NV Chùng, DM Chính, LV Công, L Sơn, NV Thanh, (2008). *Trương Đăng Quế, con người và sự nghiệp*. NXB Văn học.
- [8] TQ Cẩm, (2010). *Thái sư, Tuy Thanh quận công Trương Đăng Quế (1793-1865): đời người – đời thơ*. NXB Văn học.
- [9] PT Việt, H Minh, (2003). *Non nước xứ Quảng*. NXB Thanh niên.
- [10] ĐĐ Hiếu, NH Chi, PV Từu, TH Tá (Chủ biên), (2004). *Từ điển văn học*. NXB Thế giới. 1859-1860.
- [11] BG Khánh, (2022). Chế độ duyệt tuyển thời Gia Long (1802-1820) và Minh Mạng (1820-1841), *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Vol 67(3), 85-96.

- [12] VT Nga, (2019). Chế độ đãi ngộ đối với võ quan trong quân đội triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Vol 64 (2).120-129
- [13] Viện KHXH vùng Nam Bộ, Hội KHLSVN, Họ Trương Thanh Hoá, 2023. *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Họ Trương trong lịch sử Nam Bộ thế kỷ XVIII-XIX”*. Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2023, Viện KHXH vùng Nam Bộ, Họ Trương Thanh Hoá, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ phát triển sử học Việt Nam.
- [14] PN Huyền, (2023). Liêm chính trong đạo làm quan của Thái sư Trương Đăng Quế, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Họ Trương trong lịch sử Nam Bộ thế kỷ XVIII-XIX”*. Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2023, Viện KHXH vùng Nam Bộ, Họ Trương Thanh Hoá, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ phát triển sử học Việt Nam. 172-185
- [15] TQ Hoàn, (2023). Giới thiệu một số sắc, chiếu của Thái sư Trương Đăng Quế, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Họ Trương trong lịch sử Nam Bộ thế kỷ XVIII-XIX*. Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2023, Viện KHXH vùng Nam Bộ, Họ Trương Thanh Hoá, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ phát triển sử học Việt Nam. 186-219
- [16] NH Tâm, (2023). “Trương Đăng Quế - Tổng tài bộ Đại Nam thực lục tiền biên và đệ nhất kỳ, đệ nhị kỳ, đệ tam kỳ chính biên”. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Họ Trương trong lịch sử Nam Bộ thế kỷ XVIII-XIX*. Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2023, Viện KHXH vùng Nam Bộ, Họ Trương Thanh Hoá, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ phát triển sử học Việt Nam, 102-110.
- [17] PV Trình, (2023). Trương Đăng Quế - sức lan toả từ đức khiêm cung, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Họ Trương trong lịch sử Nam Bộ thế kỷ XVIII-XIX*. Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2023, Viện KHXH vùng Nam Bộ, Họ Trương Thanh Hoá, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ phát triển Sử học Việt Nam. 111-116.
- [18] ĐX Lâm, TH Quỳnh (Chủ biên), (2005). *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*. NXB Giáo dục.
- [19] Quốc sử quán triều Nguyễn, (2004a). *Đại Nam thực lục*, tập 3. NXB Giáo dục.
- [20] Quốc sử quán triều Nguyễn, (2005). *Đại Nam liệt truyện*, tập 3. Nxb Thuận Hoá.
- [21] T Nghĩa, (2024, tháng 2). *Kiểm kê phân loại và sơ bộ đánh giá tác phẩm Trương Đăng Quế*, <http://www.hannom.org.vn/web/tchn/data/9402v.htm>.
- [22] Quốc sử quán triều Nguyễn, (2004b). *Đại Nam thực lục*, tập 4. NXB Giáo dục.
- [23] Tsuboi Y, (1993). *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*. Hội Sử học.
- [24] ND Lập, (2013). Kinh lược – hoạt động thanh tra, giám sát đặc biệt dưới triều Nguyễn (1802-1885). *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, Tập 82, số 4. 173-179.
- [25] NP Quang, (2004). *Theo dòng lịch sử dân tộc- sự kiện và tư liệu*. NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
- [26] Quốc sử quán triều Nguyễn, (2004c). *Đại Nam thực lục*, tập 5. NXB Giáo dục.